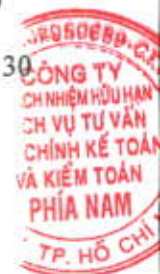


NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	03 – 04
Báo cáo Kiểm toán	05 - 05
Báo cáo Tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2012	06 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất 6 tháng đầu năm 2012	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu năm 2012	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2012	11 – 30



Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cấp Thoát Nước (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo hợp nhất của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012.

Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cấp Thoát Nước (WASECO) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 299/QĐ-BXD ngày 03 tháng 03 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây Dựng về việc chuyển Công ty Đầu tư Xây dựng Cấp Thoát Nước và Môi Trường Việt Nam thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103009943 ngày 09 tháng 04 năm 2008; Đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 14 tháng 12 năm 2011 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, chất thải rắn và vệ sinh môi trường. Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp. Đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác và kinh doanh dịch vụ công nghiệp, khu dân cư, bãi đỗ xe (không lập bến bãi trái phép), kho bãi công nghiệp. Thi công, tổng thầu thi công xây dựng, lắp đặt các công trình cấp thoát nước, xử lý nước thải và vệ sinh môi trường; Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật đô thị; Gia công lắp đặt kết cấu thép và các thiết bị cơ điện kỹ thuật công trình. Tư vấn đầu tư xây dựng; Khảo sát địa hình, địa chất xây dựng công trình; Thiết kế xây dựng công trình cấp thoát nước, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, công trình dân dụng – công nghiệp.

Tư vấn lập và thẩm tra các dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn đấu thầu. Lập tổng dự toán và dự toán các công trình; Thẩm tra thiết kế và tổng dự toán; Kinh doanh bất động sản. Sản xuất, mua bán nước sạch. Sản xuất, mua bán vật tư, vật liệu xây dựng, máy móc – thiết bị - phụ tùng phục vụ ngành xây dựng chuyên ngành cấp thoát nước và môi trường (không sản xuất tại trụ sở công ty). Khoan thăm dò, khoan khai thác nước ngầm. Nuôi trồng thủy - hải sản, cây công nghiệp; Khai thác, chế biến và mua bán các sản phẩm từ thủy hải sản và cây công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở công ty). Nghiên cứu khoa học và ứng dụng chuyên giao công nghệ ngành cấp thoát nước. Đào tạo nghề. Giám sát thi công xây dựng công trình cấp – thoát nước, dân dụng và công nghiệp: xây dựng và hoàn thiện.

Vốn điều lệ của Công ty là : 132.000.000.000 đ (Một trăm ba mươi hai tỷ đồng)

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:

Ông Trần Văn Thành	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Tất Thắng	Phó chủ tịch
Ông Đặng Văn Tiêu	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Lộc	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Bôn	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông Trần Văn Thành	Tổng Giám Đốc
Ông Đặng Văn Tiêu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Châu Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Xuân Lãng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Bôn	Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC

Địa chỉ: 10 Phố Quang, Phường 2, Q. Tân Bình, TP.HCM

Các thành viên Ban kiểm soát bao gồm

Ông Phạm Ngọc Tú	Trưởng ban kiểm soát
Ông Huỳnh Bá Đức	Thành viên
Ông Phạm Phước Thịnh	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng theo quy định hiện hành, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP HCM, ngày 10 tháng 08 năm 2012



Trần Văn Thành

Số: 538/BCKT/TC

Báo cáo kiểm toán

Về Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2012
của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cấp Thoát Nước

Kính gửi:

- Hội đồng Quản trị Công ty CP Đầu Tư và Xây dựng Cấp Thoát Nước
- Ban Giám đốc Công ty CP Đầu Tư và Xây dựng Cấp Thoát Nước

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cấp Thoát Nước được lập ngày 10 tháng 08 năm 2012 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012 được trình bày từ trang 06 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cấp Thoát Nước (WASECO) tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong kỳ tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2012

**Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)**

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

Chứng chỉ KTV 0479/KTV

Kiểm toán viên

Đinh Thế Đường

Chứng chỉ KTV 0342/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN(100=110+120+130+140+150)	100		296.393.087.077	339.723.662.554
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	5.901.904.649	51.138.324.987
1. Tiền	111		5.100.904.649	35.638.324.987
2. Các khoản tương đương tiền	112		801.000.000	15.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	2	188.664.640.867	190.189.390.919
1. Phải thu khách hàng	131	2.1	118.431.612.875	125.215.753.985
2. Trả trước cho người bán	132	2.2	67.925.763.190	63.587.423.893
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	2.3	3.521.357.233	2.600.305.472
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	2.4	(1.214.092.431)	(1.214.092.431)
IV. Hàng tồn kho	140	3	74.329.989.797	70.499.987.303
1. Hàng tồn kho	141		74.329.989.797	70.499.987.303
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	4	27.496.551.764	27.895.959.345
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.1	4.181.005.168	2.201.425.355
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	4.2	23.315.546.596	25.694.533.990
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260 + 269)	200		473.758.282.022	472.753.641.715
I- Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		442.515.710.698	439.943.458.659
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5	105.370.711.706	109.371.175.339
- Nguyên giá	222		152.653.514.376	152.368.763.346
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(47.282.802.670)	(42.997.588.007)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
3. Tài sản cố định vô hình	227	6	2.562.000.000	2.625.000.000
- Nguyên giá	228		3.150.000.000	3.150.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(588.000.000)	(525.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	7	334.582.998.992	327.947.283.320
III. Bất động sản đầu tư	240			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	8	10.487.946.475	10.487.946.475
3. Đầu tư dài hạn khác	258		10.487.946.475	10.487.946.475
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		375.672.333	375.672.333
1. Chi phí trả trước dài hạn	261			
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		375.672.333	375.672.333
3. Tài sản dài hạn khác	268			
VI. Lợi thế thương mại	269		20.378.952.516	21.946.564.248
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		770.151.369.099	812.477.304.269

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh.

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		602.986.713.849	629.513.763.081
I. Nợ ngắn hạn	310	9	252.601.406.531	291.032.093.773
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	9.1	119.708.138.312	118.466.775.038
2. Phải trả người bán	312	9.2	30.895.094.718	62.637.265.501
3. Người mua trả tiền trước	313	9.3	8.610.862.564	19.668.397.374
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	9.4	13.934.351.450	14.178.961.991
5. Phải trả người lao động	315	9.5	913.188.925	951.388.087
6. Chi phí phải trả	316	9.6	35.170.093.813	37.904.099.260
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	9.7	40.232.670.040	35.541.250.357
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	9.8	3.137.006.709	1.683.956.165
II. Nợ dài hạn	330	10	350.385.307.318	338.481.669.308
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	10.1	116.712.199.405	105.930.986.794
3. Phải trả dài hạn khác	333	10.2	126.508.465.300	126.508.465.300
4. Vay và nợ dài hạn	334	10.3	106.962.793.649	105.782.901.250
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	10.4	201.848.964	259.315.964
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		166.455.841.905	182.249.986.300
I. Vốn chủ sở hữu	410	11	166.441.933.657	182.236.078.052
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		132.000.000.000	132.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.639.328.147	9.639.328.147
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		3.952.000.000	3.952.000.000
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		(30.000)	(30.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			(8.025.385)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		10.469.984.028	2.485.749.766
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.513.153.094	2.952.241.094
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.867.498.388	31.214.814.430
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	12	13.908.248	13.908.248
1. Nguồn kinh phí	432		13.908.248	13.908.248
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
C. LỢI ÍCH CỦA CÔ ĐỒNG THIỂU SỐ	439		708.813.348	713.554.890
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		770.151.369.099	812.477.304.269

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		3,984.28	1,654.00
- EUR		3,965.35	836.70
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Lập, ngày 10 tháng 08 năm 2012

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Nguyễn Quốc Tuấn

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Nguyễn Đức Bôn

Tổng giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Trần Văn Thành



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	13	112.211.096.094	151.604.243.510
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	14	279.407.722	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	15	111.931.688.372	151.604.243.510
4. Giá vốn hàng bán	11	16	85.194.538.435	125.681.940.768
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		26.737.149.937	25.922.302.742
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	1.589.085.939	1.227.113.096
7. Chi phí tài chính	22	18	11.243.698.857	9.909.443.635
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.229.760.981	9.902.051.831
8. Chi phí bán hàng	24		173.647.660	701.596.358
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.645.576.846	10.672.843.684
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		7.263.312.513	5.865.532.161
11. Thu nhập khác	31		1.101.843.846	158.740.548
12. Chi phí khác	32		(24.682.217)	209.144.011
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.126.526.063	(50.403.463)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		8.389.838.576	5.815.128.698
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	19	2.525.145.082	1.924.729.801
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	21	5.864.693.494	3.890.398.897
17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		(6.930.726)	(2.266.667)
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		5.871.624.221	3.892.665.564
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		444	324

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

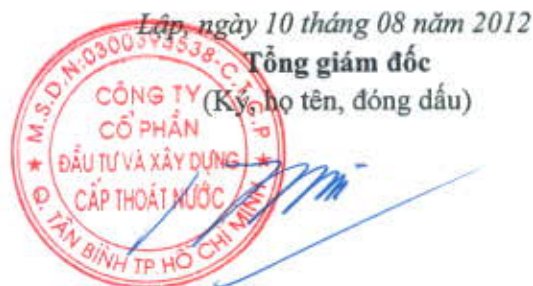


Nguyễn Quốc Tuấn

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Nguyễn Đức Bôn



Trần Văn Thành

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3		5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		114.212.121.733	161.574.315.363
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(55.902.210.008)	(90.101.677.574)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(7.933.670.613)	(13.009.249.693)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(12.541.114.598)	(11.472.575.074)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(3.542.885.968)	(2.492.576.347)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		23.779.212.610	22.927.342.256
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(91.064.089.383)	(91.885.435.127)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(32.992.636.227)	(24.459.856.196)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.586.344.120)	(6.131.238.030)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			(2.054.993.850)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			2.054.993.850
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(6.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		661.373.511	111.086.988
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5.924.970.609)	(12.020.151.042)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		80.014.263.378	88.419.567.297
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(77.593.007.705)	(58.967.369.755)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.736.391.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6.315.135.327)	29.452.197.542
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(45.232.742.163)	(7.027.809.696)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		51.138.324.987	20.369.890.488
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(3.678.175)	(4.837.503)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		5.901.904.649	13.337.243.289

Lập, ngày 10 tháng 08 năm 2012

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Nguyễn Quốc Tuấn

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Nguyễn Đức Bôn

Tổng giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)




Trần Văn Thành

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

6 tháng đầu năm 2012

I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cấp Thoát Nước (WASECO) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 299/QĐ-BXD ngày 03 tháng 03 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Đầu tư Xây dựng Cấp Thoát Nước và Môi Trường Việt Nam thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103009943 ngày 09 tháng 04 năm 2008; Đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 14 tháng 12 năm 2011 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 132.000.000.000 đồng (Một trăm ba mươi hai tỷ đồng).

2. Ngành nghề kinh doanh:

Đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, chất thải rắn và vệ sinh môi trường. Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp. Đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác và kinh doanh dịch vụ công nghiệp, khu dân cư, bãi đỗ xe (không lập bến bãi trái phép), kho bãi công nghiệp. Thi công, tổng thầu thi công xây dựng, lắp đặt các công trình cấp thoát nước, xử lý nước thải và vệ sinh môi trường; Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật đô thị; Gia công lắp đặt kết cấu thép và các thiết bị cơ điện kỹ thuật công trình. Tư vấn đầu tư xây dựng; Khảo sát địa hình, địa chất xây dựng công trình; Thiết kế xây dựng công trình cấp thoát nước, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, công trình dân dụng – công nghiệp.

Tư vấn lập và thẩm tra các dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn đấu thầu. Lập tổng dự toán và dự toán các công trình; Thẩm tra thiết kế và tổng dự toán; Kinh doanh bất động sản. Sản xuất, mua bán nước sạch. Sản xuất, mua bán vật tư, vật liệu xây dựng, máy móc – thiết bị - phụ tùng phục vụ ngành xây dựng chuyên ngành cấp thoát nước và môi trường (không sản xuất tại trụ sở công ty). Khoan thăm dò, khoan khai thác nước ngầm. Nuôi trồng thủy - hải sản, cây công nghiệp; Khai thác, chế biến và mua bán các sản phẩm từ thủy hải sản và cây công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở công ty). Nghiên cứu khoa học và ứng dụng chuyển giao công nghệ ngành cấp thoát nước. Đào tạo nghề. Giám sát thi công xây dựng công trình cấp – thoát nước, dân dụng và công nghiệp: xây dựng và hoàn thiện.

Trụ sở của Công ty tại: 10 Phố Quang, Phường 2, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

3. Các công ty con:

3.1 Số lượng công ty con được hợp nhất: 1 công ty con

3.2 Danh sách công ty con được hợp nhất:

Công ty CP Đầu tư Phát triển Nhà Địa Lợi

Địa chỉ: 158/16 Bình Quới, Phường 27, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 95%

Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 100%

4. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất: Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đồng (VND) theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các chuẩn mực kế toán, hệ thống kế toán Việt Nam.

5. Các giao dịch bị loại khỏi báo cáo khi hợp nhất:

- Các số dư các khoản phải thu, phải trả giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng công ty bị loại bỏ;
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các đơn vị trong cùng công ty;

CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC

Địa chỉ: 10 Phố Quang, Phường 2, Q. Tân Bình, TP.HCM

- Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các công ty con và phần vốn của công ty mẹ tại công ty con

6. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

7. Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

8. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

II Chế độ kế toán áp dụng:

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

III Các chính sách kế toán áp dụng:

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

1.1 Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

1.2 Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được thực hiện theo thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính.

2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:

2.1 Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

2.2 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

2.3 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Không áp dụng lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:



CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC

Địa chỉ: 10 Phố Quang, Phường 2, Q. Tân Bình, TP.HCM

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

4. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

4.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

4.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính.

5. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác:

5.1 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

5.2 Tỷ lệ vốn hoá chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ: Không phát sinh

5.3 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác:

5.3.1. Chi phí trả trước: Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

5.3.2. Chi phí khác: Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

5.4 Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

6. Nguyên tắc kế toán chi phí nghiên cứu và triển khai:

6.1 Nguyên tắc kế toán chi phí nghiên cứu:

Toàn bộ chi phí phát sinh trong giai đoạn nghiên cứu được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.



CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC

Địa chỉ: 10 Phố Quang, Phường 2, Q. Tân Bình, TP.HCM

6.2 Nguyên tắc kế toán chi phí triển khai:

Chi phí phát sinh trong giai đoạn triển khai được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trừ khi thoả mãn đồng thời các điều kiện để ghi nhận là TSCĐ vô hình.

7. Kế toán các khoản đầu tư tài chính:

7.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết:

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận bao đầu theo giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

7.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn:

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền"
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn

7.3 Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

8. Kế toán các hoạt động liên doanh:

8.1 Nguyên tắc kế toán hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát:

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

8.2 Nguyên tắc kế toán hoạt động liên doanh theo hình thức thành lập cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát:

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

9. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.



CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC

Địa chỉ: 10 Phó Quang, Phường 2, Q. Tân Bình, TP.HCM

10. Ghi nhận chi phí phải phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, chi phí bảo hành sản phẩm, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm:

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Ghi nhận chi phí trả trước:

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tài, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗ chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

12. Nguồn vốn chủ sở hữu:

12.1 Ghi nhận và trình bày cổ phiếu mua lại:

Cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại là cổ phiếu ngân quỹ của Công ty. Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

12.2 Ghi nhận cổ tức:

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

12.3 Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

13.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

13.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã

CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC

Địa chỉ: 10 Phố Quang, Phường 2, Q. Tân Bình, TP.HCM

hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

13.3 Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2012

IV- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1.1-Tiền mặt	218.454.403	288.182.081
- Văn phòng công ty	105.046.089	139.810.187
- Trung Tâm Kinh Doanh	78.550.702	12.912.610
- Trung Tâm Tư Vấn	1.769.406	51.544.671
- Chi Nhánh Daklak	645.183	16.597.751
- Chi Nhánh 201	16.674.676	53.130.290
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Nhà Địa Lợi	15.768.347	14.186.572
1.2-Tiền gửi ngân hàng	4.882.450.246	35.350.142.906
a- Văn phòng công ty	4.533.609.431	14.547.676.776
* TGNH (VND)	4.274.346.555	14.490.050.951
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - SGD II	2.962.104	2.924.131
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.799.474.979	5.475.890.667
- Ngân hàng TM CP Quân Đội	33.906.628	31.696.018
- Ngân hàng TM CP Hàng Hải Việt Nam	11.610.590	37.341.942
- Ngân hàng TMCP Quốc Tế - CN TP. Hồ Chí Minh	8.039.723	7.944.624
- Ngân hàng NN và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam	22.498.256	22.117.756
- Ngân hàng Công Thương CN I	2.354.195.729	8.892.952.425
- Ngân hàng An Bình	14.684.702	14.509.230
- Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Đông Sài Gòn	26.973.844	4.674.158
* TGNH (Ngoại tệ)	259.262.876	57.625.825
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển (BIDV) (# 3,965.35 EUR)	179.719.637	23.176.314
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển (BIDV) (# 2,955.67 USD)	60.763.327	13.043.827
- Ngân hàng TM CP Quân Đội (# 1,028.61 USD)	18.779.912	21.406.184
b- Trung tâm kinh doanh	85.636.649	359.809.060
- Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam	85.636.649	359.809.060
c- Chi Nhánh Daklak	133.515.775	219.351.028
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển (BIDV)	133.515.775	219.351.028
d- Chi Nhánh 201	69.402.902	202.918.165
- Ngân hàng Công Thương	1.642.757	1.621.699
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển (BIDV)	67.760.145	201.296.466
e- Trung Tâm Tư Vấn Thiết Kế	143.084	1.143.084
- Ngân hàng Maritime Bank	143.084	1.143.084
- Ngân hàng Sacombank		
f- Công ty CP Đầu tư Phát triển Nhà Địa Lợi	60.142.405	20.019.244.793
- Ngân hàng TMCP Á Châu- PGD Maximark 2	11.785.178	1.700.872
- Ngân hàng Lào Việt - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	1.871.406	1.847.262
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải- Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	4.001.778	7.555.737
- Ngân hàng TMCP An Bình	1.985.452	1.961.728
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - PGD Phú Nhuận	7.025.091	3.178.894
- Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam	33.473.500	20.003.000.300

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2012

1.3- Các khoản tương đương tiền	801.000.000	15.500.000.000
- Tiền gửi kỳ hạn 1 tuần tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Sở GD II		14.000.000.000
- Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Sở GD II		1.500.000.000
- Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Đông Sài Gòn	801.000.000	
Cộng	5.901.904.649	51.138.324.987
2. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC	Số cuối kỳ	Số đầu năm
2.1- Phải thu khách hàng	118.431.612.875	125.215.753.985
2.2- Trả trước người bán	67.925.763.190	63.587.423.893
2.3- Các khoản phải thu khác	3.521.357.233	2.600.305.472
2.4- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	(1.214.092.431)	(1.214.092.431)
Cộng	188.664.640.867	190.189.390.919
3. HÀNG TỒN KHO	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Nguyên liệu, vật liệu	1.981.100.812	332.413.154
- Công cụ, dụng cụ	36.556.244	28.556.244
- Chi phí SX KD dở dang	72.136.190.702	69.827.751.347
- Thành phẩm	45.768.770	45.768.770
- Hàng hóa	125.305.269	259.773.148
- Hàng gửi bán	5.068.000	5.724.640
Cộng	74.329.989.797	70.499.987.303
4. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	Số cuối kỳ	Số đầu năm
4.1- Chi phí trả trước ngắn hạn	4.181.005.168	2.201.425.355
4.2- Tài sản ngắn hạn khác	23.315.546.596	25.694.533.990
- Tạm ứng	22.995.920.345	25.448.636.093
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	319.626.251	245.897.897
Cộng	27.496.551.764	27.895.959.345

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

6. TẶNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

KHOẢN MỤC	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, TD	Thiết bị, dụng cụ QL	TSCĐ hữu hình khác	Tổng Cộng
I. Nguyên giá						
1 Số dư đầu năm	120.783.368.417	9.225.914.670	6.377.370.901	15.982.109.358		152.368.763.346
2 Số tăng trong kỳ		22.000.000	306.084.363			328.084.363
<i>Bao gồm:</i>						
- Mua trong kỳ		22.000.000	306.084.363			22.000.000
- Đầu tư XD/CB hoàn thành						306.084.363
- Tặng khác						
3 Giảm trong kỳ		43.333.333				43.333.333
<i>Bao gồm:</i>						
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán		43.333.333				43.333.333
- Giảm khác						
4 Số dư cuối kỳ	120.783.368.417	9.204.581.337	6.683.455.264	15.982.109.358		152.653.514.376
II. Giá trị hao mòn LK						
1 Số dư đầu năm	25.340.601.027	4.052.292.839	4.365.343.167	9.239.350.974		42.997.588.007
2 Tăng trong kỳ	2.672.879.118	156.728.923	506.333.679	992.606.276		4.328.547.996
- Khấu hao trong kỳ	2.672.879.118	156.728.923	506.333.679	992.606.276		4.328.547.996
- Tặng khác						
3 Giảm trong kỳ		43.333.333				43.333.333
<i>Bao gồm:</i>						
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán		43.333.333				43.333.333
- Giảm khác						
4 Số dư cuối kỳ	28.013.480.145	4.165.688.429	4.871.676.846	10.231.957.250		47.282.802.670
III. Giá trị còn lại						
1 Tại ngày đầu năm	95.442.767.390	5.173.621.831	2.012.027.734	6.742.758.384		109.371.175.339
2 Tại ngày cuối kỳ	92.769.888.272	5.038.892.908	1.811.778.418	5.750.152.108		105.370.711.706



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2012

6. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

KHOẢN MỤC	Quyền SD Đất	Quyền phát minh	Bản quyền, bằng sáng chế	Trị giá thương hiệu	Tổng Cộng
I. Nguyên giá					
1 Số dư đầu năm				3.150.000.000	3.150.000.000
2 Số tăng trong kỳ					
<i>Bao gồm:</i>					
- Mua trong kỳ					
- Tạo ra từ nội bộ DN					
- Tăng do hợp nhất KD					
- Tăng khác					
3 Giảm trong kỳ					
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
4 Số dư cuối kỳ				3.150.000.000	3.150.000.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1 Số dư đầu năm				525.000.000	399.000.000
2 Tăng trong kỳ				63.000.000	63.000.000
- Khấu hao trong kỳ				63.000.000	63.000.000
- Tăng khác					
3 Giảm trong kỳ					
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
4 Số dư cuối kỳ				588.000.000	588.000.000
III. Giá trị còn lại					
1 Tại ngày đầu năm				2.625.000.000	2.625.000.000
2 Tại ngày cuối kỳ				2.562.000.000	2.562.000.000



7. CHI PHÍ XDCB DỜ DANG

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chung cư cao tầng số 10 Phố Quang, trong đó:	316.769.615.668	296.042.219.989
+ Quyền sử dụng đất	179.164.703.558	179.164.703.558
+ Quyền phát triển dự án	31.016.000.000	31.016.000.000
+ Chi phí xây dựng	106.588.912.110	100.753.625.399
- Dự án khu phức hợp Q9 - HCM	1.616.986.249	1.405.384.999
- Trung tâm trưng bày vật tư và VP làm việc	209.090.909	209.090.909
- Dự án mở rộng mạng lưới cấp nước NMN Đakmil (GD 2)	30.259.505	
- Dự án xưởng bê tông Daklak	439.331.546	207.254.000
- Dự án Phường Đông Hưng Thuận - Quận 12	269.761.400	
- Dự án 158/16 Bình Quới	15.247.953.715	15.191.224.455
Cộng	334.582.998.992	327.947.283.320

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2012

8. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư dài hạn khác

- Công ty CP XD Cấp Thoát Nước 15 (Viwaseen 15)
- Công ty CP XD Cấp Thoát Nước 12 (Viwaseen 12)
- Công ty Điện Nước An Giang
- Công ty CP Khoan và Xây Lắp Cấp Thoát Nước
- Công ty CP kinh doanh nước sạch Sài Gòn

Cộng

Số cuối kỳ

Số đầu năm

10.487.946.475	10.487.946.475
1.220.303.364	1.220.303.364
1.400.000.000	1.400.000.000
1.521.000.000	1.521.000.000
346.643.111	346.643.111
6.000.000.000	6.000.000.000
10.487.946.475	10.487.946.475

9. NỢ NGẮN HẠN

9.1 - Vay và nợ ngắn hạn

- Vay cán bộ công nhân viên
- Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam
- Ngân hàng Công Thương - CN 1
- Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam
- Phạm Hồng Hạnh

9.2 - Phải trả người bán

9.3 - Người mua trả tiền trước

9.4- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

- Thuế GTGT hàng bán phải nộp
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất
- Các loại thuế khác
- Thuế TNCN
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

9.5- Phải trả người lao động

9.6- Chi phí phải trả (trích trước chi phí công trình)

9.7- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

- Kinh phí công đoàn
- Bảo hiểm xã hội
- Bảo hiểm y tế
- Bảo hiểm thất nghiệp
- Các khoản phải trả, phải nộp khác

9.8- Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Cộng

Số cuối kỳ

Số đầu năm

119.708.138.312	118.466.775.038
1.871.075.859	1.303.471.050
85.336.668.234	85.538.742.912
31.733.535.145	29.749.694.058
	1.108.007.944
766.859.074	766.859.074
30.895.094.718	62.637.265.501
8.610.862.564	19.668.397.374
13.934.351.450	14.178.961.991
9.862.213.358	8.412.610.135
2.505.510.668	3.523.251.555
427.282.652	838.008.902
1.057.552.235	1.405.091.399
81.792.537	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

913.188.925	951.388.087
35.170.093.813	37.904.099.260
40.232.670.040	35.541.250.357
302.479.615	301.003.959
91.355.434	
275.523.185	190.062.011
127.303.729	85.660.820
39.436.008.077	34.964.523.567
3.137.006.709	1.683.956.165
252.601.406.531	291.032.093.773

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2012

10. NỢ DÀI HẠN	Số cuối kỳ	Số đầu năm
10.1- Phải trả dài hạn nội bộ (tổng công ty Viwaseen)	116.712.199.405	105.930.986.794
Trong đó:		
- Giá trị quyền sử dụng đất số 10 Phố Quang	105.930.986.794	105.930.986.794
- Cổ tức phải trả	10.781.212.611	
10.2- Phải trả dài hạn khác	126.508.465.300	126.508.465.300
- Công ty Đông Dương (Indochina Group) góp vốn XD chung cư	105.718.118.900	105.718.118.900
- Công ty TNHH Kiến Trúc Thiết Kế Arcurata (tiền đặt cọc thuê văn phòng)	6.500.000.000	6.500.000.000
- Cục thuế Đồng Nai (tiền thuê đất Công ty Ông Thép SPC)	2.404.687.500	2.404.687.500
- Công ty XK Lao Động TM & Du lịch	1.900.000.000	1.900.000.000
- Ông Phạm Đức Tấn	5.475.000.000	5.475.000.000
- Công ty CP Phát triển Nhà Địa Lợi	4.400.000.000	4.400.000.000
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	110.658.900	110.658.900
10.3- Vay và nợ dài hạn	106.962.793.649	105.782.901.250
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam- SGD II	25.748.041.917	31.628.041.917
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải- CN Quận 9	81.214.751.732	74.154.859.333
10.4- Dự phòng trợ cấp mất việc làm	201.848.964	259.315.964
Cộng	350.385.307.318	338.481.669.308



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

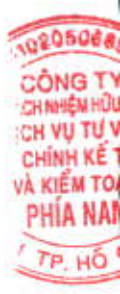
	1	2	3	4	5	6	7	8	Cộng
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Cổ phiếu quỹ	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	
A									9
Số dư đầu năm trước	120.000.000.000	9.639.328.147	351.978.953	2.183.866.878	1.834.173.094		4.253.882.888	20.093.515.247	158.356.745.207
Tăng vốn trong kỳ trước									
Lãi trong kỳ trước			4.573.794	301.882.888				3.892.665.564	3.892.665.564
Tăng khác									306.456.682
Giảm vốn trong kỳ trước									
Lỗ trong kỳ trước									
Giảm khác			359.912.481				301.882.888	3.700.000	665.495.369
Số dư cuối kỳ trước	120.000.000.000	9.639.328.147	(3.359.734)	2.485.749.766	1.834.173.094		3.952.000.000	23.982.480.812	161.890.372.085
Số dư đầu năm nay	132.000.000.000	9.639.328.147	(8.025.385)	2.485.749.766	2.952.241.094	(30.000)	3.952.000.000	31.214.814.430	182.236.078.052
Tăng vốn trong kỳ này									
Lãi trong kỳ này									
Tăng khác				7.984.234.262	1.560.912.000			5.871.624.221	5.871.624.221
Giảm vốn trong kỳ này									
Lỗ trong kỳ này									
Giảm khác (*)			(8.025.385)						9.545.146.262
Số dư cuối kỳ	132.000.000.000	9.639.328.147		10.469.984.028	4.513.153.094	(30.000)	3.952.000.000	31.218.940.262	31.210.914.877

Ghi chú: (*) Chi tiết các khoản giảm khác:

- Tăng quỹ dự phòng đầu tư tài chính
- Tăng quỹ đầu tư phát triển
- Tăng quỹ khen thưởng, phúc lợi
- Trích quỹ khen thưởng cho Ban Điều hành
- Cổ tức năm 2011 phải trả cho Tổng Công ty
- Cổ tức năm 2011 phải trả cho các cổ đông

Tổng cộng

1.560.912.000
7.984.234.262
1.561.612.000
312.182.000
11.880.000.000
7.920.000.000
31.218.940.262



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2012

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tỷ lệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vốn góp của nhà nước	60%	79.200.000.000	79.200.000.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	40%	52.800.000.000	52.800.000.000
Cộng	100%	132.000.000.000	132.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	132.000.000.000	120.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ		
+ Vốn góp giảm trong kỳ		
+ Vốn góp cuối kỳ	132.000.000.000	120.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

- d) **Cổ tức**
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ:
 - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông
 - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi
 - Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận

d) Cổ phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.200.000	13.200.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.200.000	13.200.000
+ Cổ phiếu phổ thông	13.200.000	13.200.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	3	
+ Cổ phiếu phổ thông	3	
+ Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.199.997	13.199.997
+ Cổ phiếu phổ thông	13.199.997	13.199.997
+ Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 đ/ cp		

e) Các quỹ của doanh nghiệp	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	10.469.984.028	2.485.749.766
- Quỹ dự phòng tài chính	4.513.153.094	2.952.241.094
Cộng	14.983.137.122	5.437.990.860

12. NGUỒN KINH PHÍ

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ		
- Chi sự nghiệp		
- Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ	13.908.248	13.908.248
Cộng	13.908.248	13.908.248



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2012

	Kỳ này	Kỳ trước
13. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
- Doanh thu bán hàng	13.948.103.682	31.053.247.858
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	19.077.559.405	23.420.706.209
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	79.185.433.007	97.130.289.443
Cộng	112.211.096.094	151.604.243.510
14. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU		
Trong đó:		
- Chiết khấu thương mại		
- Giảm giá hàng bán		
- Hàng bán trả lại	279.407.722	
- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
- Thuế xuất khẩu		
Cộng	279.407.722	
15. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	13.668.695.960	31.053.247.858
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	19.077.559.405	23.420.706.209
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	79.185.433.007	97.130.289.443
- Doanh thu kinh doanh bất động sản		
Cộng	111.931.688.372	151.604.243.510
16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	13.322.843.016	36.594.016.135
- Giá vốn của XD	63.941.661.533	79.080.856.202
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	7.930.033.886	10.007.068.431
Cộng	85.194.538.435	125.681.940.768
17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.589.085.939	1.150.832.432
- Doanh thu hoạt động tài chính khác		76.280.664
Cộng	1.589.085.939	1.227.113.096
18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
- Lãi tiền vay	11.229.760.981	9.902.051.831
- Lỗ do chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	13.937.876	7.391.804
Cộng	11.243.698.857	9.909.443.635
19. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	2.525.145.082	1.924.729.801
Cộng	2.525.145.082	1.924.729.801

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2012

20. CHI PHÍ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Cộng

Kỳ này

Kỳ trước

321.488.993

342.091.147

321.488.993

342.091.147

21. THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ

Chỉ tiêu

* Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế

* Thuế TNDN phải nộp

* Thuế TNDN được miễn giảm

* Thuế TNDN phải nộp sau miễn giảm

* Chi phí thuế TNDN hoãn lại

* Lợi nhuận sau thuế TNDN

Kỳ này

Kỳ trước

8.389.838.576

5.815.128.698

2.525.145.082

1.924.729.801

2.525.145.082

1.924.729.801

5.864.693.494

3.890.398.897

22. THÔNG TIN BỔ SUNG



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

22.1- Báo cáo bộ phận

21.1.1- Bộ phận kinh doanh: Bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

a- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Lĩnh vực kinh doanh gồm đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình (cấp thoát nước, hạ tầng kỹ thuật đô thị, công trình dân dụng - công nghiệp...), lĩnh vực kinh doanh bất động sản, lĩnh vực dịch vụ (tư vấn thiết kế).

b- Bộ phận theo khu vực địa lý: Toàn lãnh thổ Việt Nam.

22.1.2- Báo cáo bộ phận

Chỉ tiêu	Thi công xây lắp	Kinh doanh bất động sản	Tư vấn thiết kế, sản xuất công nghiệp, kinh doanh khác	Cho thuê văn phòng	Kinh doanh vật tư hàng hóa	Tổng
A- Kết quả						
1- Doanh thu	78.401.514.632		2.127.417.761	16.416.153.732	14.986.602.247	111.931.688.372
2- Chi phí	63.379.759.430		1.603.051.091	5.940.976.805	14.444.398.769	85.368.186.095
- Chi phí phân bổ trực tiếp (gồm cả giá vốn)	63.379.759.430		1.603.051.091	5.940.976.805	14.270.751.109	85.194.538.435
- Chi phí bán hàng					173.647.660	173.647.660
3- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.021.755.202		524.366.670	10.475.176.927	542.203.478	26.563.502.277
B- Tổng giá trị của tài sản bộ phận	298.913.822.148	356.183.401.076	274.801.905	111.158.586.636	3.620.757.334	770.151.369.099
C- Nợ phải trả của bộ phận	269.544.323.517	304.638.857.426	256.759.761	25.748.041.917	2.798.731.228	602.986.713.849
D- Tổng chi phí phát sinh trong niên độ để mua TSCĐ			306.084.363			306.084.363
E- Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước	1.196.370.152		257.124.971	3.431.130.149	2.968.334	4.887.593.606
- Tổng chi phí khấu hao TSCĐ	655.253.151		239.196.362	3.431.130.149	2.968.334	4.328.547.996
- Tổng chi phí phân bổ chi phí trả trước	541.117.001		17.928.609			559.045.610

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2012

22.2- Công cụ tài chính

a) Tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	5.901.904.649	51.138.324.987	5.901.904.649	51.138.324.987
- Phải thu của khách hàng	118.431.612.875	125.215.753.985	118.431.612.875	125.215.753.985
- Phải thu ngắn hạn khác	3.521.357.233	2.600.305.472	3.521.357.233	2.600.305.472
Cộng	127.854.874.757	178.954.384.444	127.854.874.757	178.954.384.444
Nợ phải trả tài chính				
- Vay và nợ ngắn hạn	119.708.138.312	118.466.775.038	119.708.138.312	118.466.775.038
- Phải trả người bán	30.895.094.718	62.637.265.501	30.895.094.718	62.637.265.501
- Phải trả người lao động	913.188.925	951.388.087	913.188.925	951.388.087
- Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	40.232.670.040	35.541.250.357	40.232.670.040	35.541.250.357
- Chi phí phải trả	35.170.093.813	37.904.099.260	35.170.093.813	37.904.099.260
- Phải trả dài hạn nội bộ	116.712.199.405	105.930.986.794	116.712.199.405	105.930.986.794
- Phải trả dài hạn khác	126.508.465.300	126.508.465.300	126.508.465.300	126.508.465.300
- Vay và nợ dài hạn	106.962.793.649	105.782.901.250	106.962.793.649	105.782.901.250
Cộng	577.102.644.162	593.723.131.587	577.102.644.162	593.723.131.587

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính là giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ phải trả có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

b) Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các nhân tố rủi ro tài chính:

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, giám sát rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

b.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2012

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hoá, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán chủ yếu là đồng Việt Nam.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty không có rủi ro lãi suất do các khoản vay theo lãi suất cố định và công ty luôn được các ngân hàng xếp hạng tín dụng tốt nên lãi suất các tổ chức thường áp dụng ở mức lãi suất phù hợp nhất so với thị trường.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

b.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Các khách hàng của công ty chủ yếu là các Công ty cấp nước lớn của các tỉnh thành trong khu vực phía Nam, có mối quan hệ truyền thống lâu năm trong lĩnh vực cấp thoát nước, ngoài ra các công trình công ty đang thi công nguồn vốn thanh toán chắc chắn nên những rủi ro về phải thu khó đòi từ khách hàng rất ít. Tuy nhiên cũng có một số công trình vướng về mặt bằng thi công dẫn đến thời gian thi công kéo dài, chi phí đầu vào biến động, lãi vay tăng cao.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách đưa ra chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình công nợ để đôn đốc thu hồi. Công ty chỉ tham gia đấu thầu các công trình có nguồn vốn thanh toán đảm bảo để tránh trường hợp thi công xong công trình nhưng chủ đầu tư không có nguồn vốn để thanh toán.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

b.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để áp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

b.4 Tài sản đảm bảo

** Tài sản thế chấp cho đơn vị khác:*

Tại ngày 30/06/2012, Công ty có các tài sản thế chấp sau:



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2012

Hợp đồng thế chấp:

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 364/2010/HĐ ngày 01/06/2010
- Hợp đồng thế chấp tài sản số 363/2010/HĐ ngày 01/06/2010

Bên nhận thế chấp: Chi nhánh Sở giao dịch II - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Tài sản thế chấp:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất " Nhà điều hành sản xuất và cho thuê văn phòng 13 tầng"
- Xe cầu tự hành bánh lốp 40 tấn
- Cầu tháp cố định có trọng tải lớn nhất 10 tấn
- Dàn giáo Copphe

Giá trị ghi sổ của tài sản:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất " Nhà điều hành sản xuất và cho thuê văn phòng 13 tầng": 78.573.104.432 đ
- Xe cầu tự hành bánh lốp 40 tấn : 1.832.359.825 đ
- Cầu tháp cố định có trọng tải lớn nhất 10 tấn : 1.907.333.379 đ
- Dàn giáo Copphe : 580.481.603 đ

Giá trị thế chấp của tài sản:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất " Nhà điều hành sản xuất và cho thuê văn phòng 13 tầng": 137.370.000.000 đ
- Xe cầu tự hành bánh lốp 40 tấn : 1.909.783.480 đ
- Cầu tháp cố định có trọng tải lớn nhất 10 tấn : 1.977.113.868 đ
- Dàn giáo Copphe : 792.880.937 đ

Mục đích thế chấp: Vay vốn ngắn hạn + bảo lãnh.

* **Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác:** Không phát sinh.

22.3- Số liệu so sánh:

Số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2012 là số dư cuối năm trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Nguyễn Quốc Tuấn

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Nguyễn Đức Bôn

Lập, ngày 10 tháng 08 năm 2012

Tổng giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Trần Văn Thành